

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 646/2024/DS-PT
Ngày 31-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền;
Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 497/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 489/2024/QĐPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 568/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vi Văn H, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên lạc: đường D, khu đô thị T, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Trọng T, sinh năm 1998; địa chỉ liên lạc: số E, đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01/4/2024). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N, làm việc tại Công ty L1 (địa chỉ: số E, đường H, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương), thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1992; địa chỉ: khu phố A, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Ngọc H1, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố B, thị trấn C (nay là phường H), thị xã C, tỉnh Bình Phước, là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 24/12/2024). Có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Võ Văn L, sinh năm 1993; địa chỉ: số A, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 02/10/2023, ông Vi Văn H cho ông Nguyễn Thanh T1 vay số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng). Việc vay mượn tiền trên có lập Biên nhận mượn tiền ngày 02/10/2023; thời gian mượn tiền từ ngày 02/10/2023 đến ngày 21/12/2023, không tính tiền lãi. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán, ông H đã nhiều lần liên hệ với ông T1 yêu cầu ông T1 thực hiện việc trả tiền như thỏa thuận nhưng ông T1 có tình lẩn tránh và không thực hiện. Do đó, ông Vi Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) và số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 21/12/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm (tạm tính đến tháng 6/2024) là 1.100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng = 54.780.000 đồng (năm mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Thông qua bạn bè ông T1 biết ông Vi Văn H có cho vay tiền nên ông T1 có đến mượn tiền ông H. Thời điểm đó ông T1 muốn mượn số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ông H đồng ý và yêu cầu ông T1 ký vào giấy biên nhận mượn tiền nhưng ghi số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) rồi sẽ chuyển khoản số tiền ông T1 mượn vào tài khoản ông T1 sau. Ông T1 đồng ý ký vào giấy vay này. Tuy nhiên, sau đó ông H không có chuyển khoản tiền cho ông T1 như cam kết. Khoảng 03 tháng sau ông H mới chuyển khoản cho ông T1 số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng lúc này ông H lại đưa giấy biên nhận mượn tiền khác ghi số tiền mượn là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) và yêu cầu ông T1 ký. Ông H có nói sẽ xé bỏ giấy vay cũ và giữ lại giấy này thôi. Việc ông H có xé bỏ giấy vay ghi số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) hay không thì ông T1 không biết. Sau khi ông T1 ký tên, lăn tay vào giấy vay theo yêu cầu của ông H thì ông H giữ giấy này, còn ông T1 không có giữ bản nào. Theo ông T1 nhớ trong giấy này không có ghi lãi suất vay nhưng theo thỏa thuận ban đầu thì ông T1 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thì tiền lãi tính là 10 ngày phải trả 10.000.000 đồng (mười triệu

đồng) cho ông H. Sau khi ông T1 trả lãi được 02 lần thì ông H có giảm lãi cho ông T1 là 01 tháng trả tiền lãi 10.000.000 đồng. Lúc này ông T1 mất khả năng trả tiền nên ông H mới đòi nợ ông T1. Tổng cộng ông T1 trả được 02 lần tiền lãi, tổng cộng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Ông T1 đều trả qua hình thức chuyển khoản ngân hàng và chưa trả được tiền gốc. Biên nhận mượn tiền được ông H viết sẵn rồi gọi điện thoại hẹn ông T1 đến quán ở khu công nghiệp M để ký và lăn tay. Ông T1 không nhớ địa chỉ quán. Thời điểm đó chỉ có ông T1, ông H và vợ con ông H chứng kiến. Thực tế ông T1 chỉ vay có 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ông T1 nghĩ không cần vay số tiền còn lại nên ông H không chuyển ông T1 cũng không hỏi. Ông T1 chỉ trả lãi cho số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) ông T1 vay. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông T1 hoàn toàn không đồng ý vì thực tế ông T1 chỉ có vay của ông H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ông H yêu cầu ông T1 trả số tiền gốc 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) là không đúng sự thật. Ông T1 chỉ đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Bị đơn xác định ngoài những tài liệu đã cung cấp cho Tòa án kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng thì không còn tài liệu nào khác cung cấp cho Tòa án. Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Văn H đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 phải thanh toán cho nguyên đơn ông Vi Văn H tổng số tiền là 1.164.020.000 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 64.020.000 đồng (sáu mươi bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Vi Văn H cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông Nguyễn Thanh T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Vi Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.321.700 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi một nghìn bảy trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000974 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) B.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu số tiền 46.920.600 đồng (bốn mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 08/8/2024 bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn số tiền vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận tiền và chứng cứ về việc giao nhận tiền để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn số tiền vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ông T1 xin lỗi các cấp Tòa án vì có lời khai không trung thực, không đúng sự thật tại Tòa án cấp sơ thẩm do tình cảm và muốn bao che cho ông Trương Minh D, sợ ảnh hưởng đến công việc tại cơ quan của ông D. Tuy nhiên, sau khi có bản án sơ thẩm tuyên ông T1 phải trả nợ cho ông H 1.100.000.000 đồng, ông T1 liên hệ với ông D để trả nợ cho ông H thì ông D không có khả năng thực hiện nghĩa vụ. Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 trình bày đúng sự thật như sau: Ông T1 với ông D là bạn bè chơi chung với nhau, do ông D muốn vay tiền nên ông T1 giới thiệu ông H cho ông D và ông H yêu cầu ông D dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bảo đảm cho tiền vay. Ông H cho ông D vay số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 21/3/2023 và cùng ngày ông H đã chuyển khoản cho ông D 910.000.000 đồng, đã trừ lại 90.000.000 đồng tiền lãi, các bên cam kết trong vòng 03 tháng hoàn tất trả nợ thì ông H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D. Ông D đã nhờ ông T1 ký Giấy nhận nợ vào ngày 21/3/2023 thay ông D với số tiền vay 1.000.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, ông H yêu cầu ông D trả nợ nhưng ông D không thực hiện. Tháng 10/2023, ông H yêu cầu ông T1 ký nhận nợ 1.100.000.000 đồng, trong đó bao gồm tiền ông D vay 1.000.000.000 đồng và ông T1 vay 100.000.000 đồng. Ông T1 ký giấy nhận nợ 1.100.000.000 đồng cũng theo yêu cầu của ông D, đứng tên nhận nợ giùm ông D, thực chất ông T1 chỉ vay 100.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả 100.000.000 đồng. Việc ông D vay tiền và thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tỉnh Bình Phước đứng tên ông D cho ông H thể hiện việc xác nhận của ông H ở mặt sau của Biên nhận mượn tiền ngày 02/10/2023. Ngày 02/10/2023, ký Biên nhận mượn tiền tại Nhà hàng M, ông H không có giao cho ông T1 số tiền nào. Việc nguyên đơn khai sau khi ký Biên nhận mượn tiền thì hai bên chở nhau về nhà ông H để nhận số tiền vay 1.100.000.000 đồng là hoàn toàn sai sự thật và nguyên đơn cũng không cung cấp được biên nhận giao tiền cho bị đơn. Lời khai của người làm chứng là ông L không đúng sự thật.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Việc bị đơn thay đổi lời khai cho rằng bị đơn ký biên nhận chỉ nhằm mục đích lãnh nợ thay cho ông D là hoàn toàn là vô lý vì không có chứng cứ nào thể hiện có việc nhận nợ thay trong khi đó giữa ông D và ông H đã ký hợp đồng chuyển nhượng đất. Lời khai của bị đơn là mâu thuẫn khi cho rằng chỉ vay 100.000.000 đồng, giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông D và ông H đã hoàn thành. Sau khi ký biên nhận tiền để đảm bảo an toàn thì mới về nhà ông H để nhận tiền. Ông T1 nhận thức được nội dung biên bản và ký tên xác nhận, lời khai của ông T1 tại phiên tòa là mâu thuẫn với lời khai trước đây nên không đảm bảo đúng sự thật khách quan. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thay đổi lời khai, người làm chứng cũng không xác nhận được có hay không việc giao nhận tiền giữa nguyên đơn với bị đơn và lời khai của người làm chứng mâu thuẫn lẫn nhau. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ bản chất giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông D với ông H, không làm rõ nội dung xác nhận mặt sau của biên nhận tiền với mục đích gì, nguyên đơn chưa chứng minh được đã giao cho bị đơn số tiền 1.100.000.000 đồng. Do nhiều tình tiết, lời khai trong vụ án là có sự mâu thuẫn việc không làm rõ tình tiết, lời khai và chứng cứ; việc không đưa ông D tham gia tố tụng là chưa đảm bảo tính khách quan, toàn diện khi giải quyết vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 08/8/2024, bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm là kháng cáo trong hạn luật định, đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất việc ký kết “Biên nhận mượn tiền ngày 02/10/2023” có nội dung ghi rõ thông tin họ tên, năm sinh, số căn cước công dân, địa chỉ của bên cho mượn là ông Vi Văn H và bên mượn là ông Nguyễn Thanh T1; ông H đồng ý cho ông T1 mượn số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng); thời gian mượn tiền là: 02/10/2023 đến

21/12/2023; bên mượn cam kết sẽ trả đầy đủ số tiền đã mượn cho bên cho mượn đúng thời hạn; bên mượn đã kiểm nhận đủ số tiền mượn nói trên; phần cuối có chữ ký, họ tên của ông Vi Văn H và chữ ký, họ tên, dấu lần tay của ông Nguyễn Thanh T1 (bút lục 04). Ông T1 xác định chưa trả nợ vay gốc cho ông H. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh T1 cho rằng chỉ vay của ông Vi Văn H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất 10 ngày là 10.000.000 đồng nhưng ông H yêu cầu ông T1 ký vào Biên nhận mượn tiền ngày 02/10/2023 với số tiền vay 1.100.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thanh T1 thay đổi lời khai, ông T1 xác định ông T1 ký vào Biên nhận mượn tiền ngày 02/10/2023 với số tiền vay 1.100.000.000 đồng nhằm xác nhận số tiền nợ của ông Trương Minh D vay của ông H số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 21/3/2021 và số tiền 100.000.000 đồng là nợ vay của ông T1, ông D thế chấp cho ông H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông D, đất tọa lạc tại tỉnh Bình Phước và ông H đã chuyển khoản cho ông D số tiền 910.000.000 đồng. Ông T1 ký nhận nợ thay ông D do ông D nhờ đứng tên thay.

Phía nguyên đơn không thừa nhận lời khai của bị đơn mà xác định giữa ông Trương Minh D và ông H có giao dịch chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 89 và thửa đất số 88, tờ bản đồ số 88, tại thôn G, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước đứng tên ông Trương Minh D với giá 1.000.000.000 đồng. Việc chuyển quyền sử dụng đất giữa ông D và ông H đã thực hiện xong, ông H đã sang tên quyền sử dụng đất, không liên quan đến việc vay tài sản giữa ông T1 và ông H.

[2.3] Xét thấy, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Tại mặt sau của Biên nhận mượn tiền ngày 02/10/2024 có nội dung “Tôi tên Vi Văn H ... Hôm nay 02/10/2023 có giữ hai cuốn sổ đỏ của ông Trương Minh D...(giữ sổ từ ngày 21/3/2023). Trong vòng 3 tháng ông Nguyễn Thanh T1 trả đủ số tiền cho ông Vi Văn H thì ông H sẽ trả lại 2 cuốn sổ đỏ cho ông D” (bút lục 24). Tại phiên tòa, phía nguyên đơn và bị đơn xác nhận nội dung này do ông H tự viết và ký tên.

Hồ sơ còn thể hiện việc các đương sự cung cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 921421 và số DE 921420 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trương Minh D cùng ngày 21/6/2022 (bút lục 44 - 45); 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng C công chứng cùng ngày 21/3/2023 giữa bên chuyển nhượng là ông Trương Minh D và bên nhận chuyển nhượng là ông Vi Văn H (bút lục 34 – 43).

Tại Biên bản đối chất ngày 09/5/2024 thể hiện việc ông Vi Văn H thừa nhận ông T1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng và có đảm bảo bằng cách kêu ông D ký kết hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất cho ông H để làm tin; theo yêu cầu của ông T1 thì ông H chuyển khoản tiền vay cho ông D; hiện ông H vẫn đang giữ sổ đỏ 02 miếng đất này (bút lục 25 – 26). Nội dung này phù hợp với

các Chứng từ giao dịch cùng ngày 21/3/2023 với tổng số tiền 910.000.000 đồng do ông H chuyển khoản cho ông Trương Minh D qua Ngân hàng N1 (bút lục 47, 48, 49).

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng ông D không vay tiền và giao dịch giữa ông H và ông D là chuyển quyền sử dụng đất là mâu thuẫn với lời khai tại cấp sơ thẩm.

Đối chiếu với lời khai của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy, lời khai của bị đơn tương đối phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, có thể thấy sự việc vay mượn tiền giữa các bên có sự liên quan của ông Trương Minh D. Vì vậy, để làm rõ bản chất việc vay mượn tiền giữa các bên, cần thiết phải đưa ông Trương Minh D tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ người vay, số tiền vay và giao dịch thực tế giữa các bên, từ đó mới xác định được sự thật khách quan của vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên được pháp luật bảo vệ.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thay đổi lời khai của các bên phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm đây là tình tiết mới mà khi đối chiếu với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có thể làm thay đổi bản chất việc giải quyết vụ án. Để đảm bảo việc đương sự tham gia tố tụng đúng quy định và chứng cứ được đánh giá hai cấp xét xử, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T1.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả cho ông Nguyễn Thanh T1 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000823 ngày 19/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố B;
- TAND thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Trúc